

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3509/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 7

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường về quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5621/TTr-STNMT-QLĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, Ủy ban nhân dân Quận 7 tại Tờ trình số 3041/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 7 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		3.569,56	387,51	882,99	429,00	748,76	162,40	105,37	99,55	85,93	447,34	220,71
1	Đất nông nghiệp	NNP	144,18	34,45	52,44	8,12	2,27	28,69	5,45	1,00	1,90	0,15	9,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	31,55	10,44	7,68	1,79	0,25	5,21			1,05		5,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	99,46	21,14	42,05	6,18	1,95	19,24	2,30	1,00	0,85	0,15	4,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,18	2,87	2,71	0,15	0,06	4,24	3,15				
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.425,38	353,06	830,56	420,87	746,49	133,71	99,92	98,55	84,02	447,19	211,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,33	10,96	0,48		0,89						
2.2	Đất an ninh	CAN	20,70	3,32		1,12						16,26	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	300,03				300,03						
2.5	Đất cụm công	SKN											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
	liệu xây dựng, làm đồ gốm													
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,19	0,06	0,18	0,15	0,07	0,12	0,03	0,10	0,02	0,17	0,30	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	153,86	7,15	75,28	15,23	1,77	7,55	0,12		0,17	39,08	7,53	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,21	0,25	0,04		0,14		0,01	0,09		0,24	0,42	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	842,39	93,51	387,23	46,07	180,57	12,23	4,19	16,11	8,39	65,51	28,58	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,99	0,35	7,89	0,07	0,68							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,48	1,48										
3	Đất chưa sử dụng	CSD												
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN												
5	Đất khu kinh tế*	KKT												
6	Đất đô thị*	KDT	3.569,56	387,51	882,99	429,00	748,76	162,40	105,37	99,55	85,93	447,34	220,71	

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,79	3,18	0,37			0,03					0,21
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
	<i>Đất trồng lúa *</i>	<i>LUA*</i>	<i>6,73</i>	<i>1,10</i>	<i>0,76</i>	<i>4,87</i>							
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,09	0,88				0,01					0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2,70	2,30	0,37			0,02					0,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS											
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	30,74	5,62	13,17	0,34	1,84	0,57	0,29	0,12		3,01	5,78
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,06	0,01			0,05						
2.2	Đất an ninh	CAN											
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,30	0,04	0,20								0,06
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,60	0,10	0,01		0,40			0,09			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8,31	1,42	3,43	0,01	0,09	0,01	0,02			0,73	2,60
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,01		0,01								
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02		0,02								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	8,73	1,51	2,53	0,31	0,20	0,47		0,03		1,45	2,23
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,86	1,86			0,004						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON											
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD											
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH											
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,10		3,76			0,09	0,02			0,68	0,55
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4,29	0,68	1,75	0,02	1,10		0,25			0,15	0,34
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,46		1,46								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											

Ghi chú: LUA*: Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	4,35	3,25	0,57	0,07	0,05	0,19					0,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN											
	<i>Đất trồng lúa *</i>	<i>LUA*/PNN</i>	8,27	1,10	1,30	4,87		1,00					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	1,39	0,91	0,16	0,04	0,03	0,04					0,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2,90	2,33	0,38	0,03		0,15					0,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,06	0,01	0,03		0,02						
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	phải là rừng												
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)											
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,36	0,32		0,03		0,01					

Ghi chú: -(a): gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;

- PKO: là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

- LUA*: Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

rên địa bàn Quận 7 không có diện tích đất chưa sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị sau có trách nhiệm:

1. Ủy ban nhân dân Quận 7:

- Kiểm tra, rà soát các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đảm bảo các nguyên tắc thể hiện tại Kế hoạch số 9720/KH-STNMT-QLĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất này vào quy hoạch sử dụng đất cấp quận thời kỳ 2021-2030 đồng thời với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.

- Việc đăng ký kế hoạch, giải quyết hồ sơ sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; xác định cụ thể nguyên nhân chậm thực hiện, vướng mắc, làm việc với các chủ đầu tư về nguồn vốn đầu tư, chủ trương đầu tư, kế hoạch và khả năng thực hiện dự án đối với các trường hợp đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo triển khai đúng thời hạn, khả thi; chịu trách nhiệm về đề xuất tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với các công trình - dự án đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 trở về trước.

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng ranh dự án được phê duyệt và đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định pháp luật.

- Đối với 11 tuyến hẻm Ủy ban nhân dân Quận 7 đăng ký thực hiện trong năm 2021 theo Nghị quyết số 01-NQ/QU ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Quận ủy Quận 7 về vận động Nhân dân hiến đất mở rộng hẻm giai đoạn 2020-2025, trường hợp có phát sinh thủ tục thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân quận 7 phải chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với dự án Khu căn hộ tại phường Bình Thuận, hiện cơ quan Tòa án đang giải quyết, xử lý về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất thực hiện dự án, do đó không có cơ sở để xem xét đăng ký thực hiện trong năm 2021.

- Đối với chỉ tiêu, diện tích đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2021: Ủy ban nhân dân Quận 7 chưa thực hiện nội dung chỉ đạo tại

điểm 2.2, Mục III của Kế hoạch số 649/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố và điểm 5, Mục I của Thông báo số 3859/TB-STNMT-VP ngày 20 tháng 5 năm 2021. Do vậy, Ủy ban nhân dân Quận 7 tiếp tục thực hiện nội dung này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định làm cơ sở giải quyết nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2021. Đồng thời, khẩn trương hoàn thiện báo cáo thuyết minh, Bản đồ vị trí các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các phường trên địa bàn Quận 7, cụ thể: giảm chỉ tiêu, diện tích đăng ký nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân đối với 6,21ha (*theo phụ lục đính kèm Tờ trình số 5621/TTr-STNMT-QLĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường*) trên địa bàn các phường: Bình Thuận (0,21ha), Phú Mỹ (0,19ha), Tân Phong (0,10ha), Tân Quy (0,01ha), Tân Hưng (0,29ha), **Tân Phú (0,01ha)**, Phú Thuận (5,16ha), Tân Thuận Đông (0,24ha) chưa có cơ sở để xem xét đăng ký do thực tế hiện trạng đang có tranh chấp, không phải là đất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận (Khoản 1 Điều 6 và Điều 10, Điều 11 Luật Đất đai),... làm cơ sở công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với diện tích đất chuyển đổi mục đích từ đất lúa, Ủy ban nhân dân Quận 7 có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, chịu trách nhiệm về pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân. Hàng tháng, báo cáo các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn Quận (kèm theo Quyết định và hồ sơ pháp lý có liên quan) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp theo dõi, quản lý.

- Công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở-ngành có liên quan:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 7 thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Xác định, cân đối các nguồn vốn để thực hiện dự án - công trình và thường

xuyên rà soát vướng mắc, phối hợp xử lý hoặc báo cáo đề xuất tháo gỡ nhằm đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được thực hiện khả thi; thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, hiệu quả, phát huy tiềm năng về đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban- Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hòa Bình